

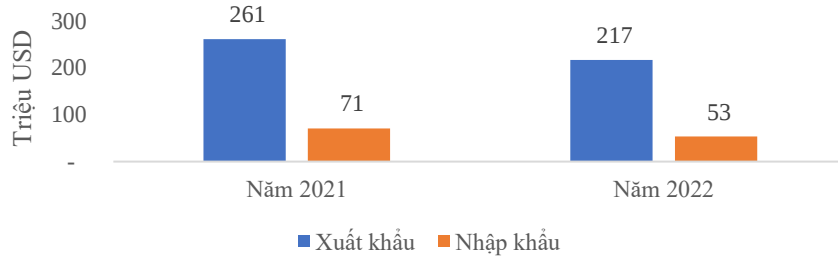
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

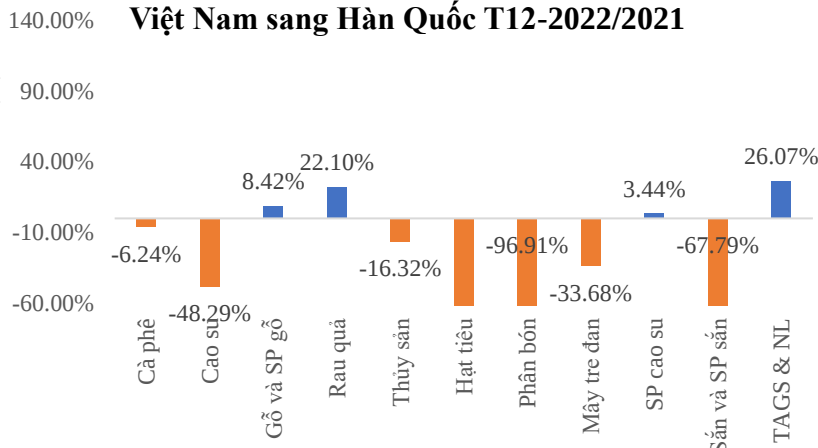
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam-Hàn Quốc
T12-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T12-2022/2021**

Xuất khẩu	▼ 16,94 %
Nhập khẩu	▼ 24,5 %

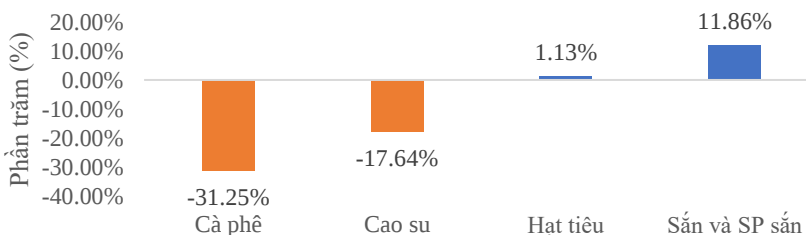
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T12-2022/2021**



So sánh T12-2022/2021

Cà phê	▼ 6,24%
Cao su	▼ 48,29%
Gỗ và SP gỗ	▲ 8,42%
Hàng rau quả	▲ 22,1%
Hàng thủy sản	▼ 16,32%
Hạt tiêu	▼ 78,87%
Phân bón	▼ 96,91%
Mây tre đan	▼ 33,68%
SP từ cao su	▲ 3,44%
Sản và SP sản	▼ 67,79%
TAGS & NL	▲ 26,07%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân T12-
2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T12-2022/2021**

Cà phê	▼ 31,2%
Cao su	▼ 17,6%
Hạt tiêu	▲ 1,1%
Sản và SP sản	▲ 11,9%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Dữ liệu của Bộ Thương mại Hàn Quốc cũng cho thấy trong tháng 12, xuất khẩu giảm 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái, đánh dấu tháng giảm thứ ba liên tiếp, do mức sụt giảm xuất khẩu sang Trung Quốc và Đông Nam Á không đủ để bù đắp cho mức tăng trưởng xuất khẩu khiêm tốn sang Mỹ và Liên minh châu Âu.

Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK) ngày 26/1 cho biết, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 tăng 2,6%, so với mức tăng 4,1% của năm 2021. Mức tăng trưởng năm 2022 đánh dấu tốc độ chậm nhất kể từ năm 2020, khi nền kinh tế giảm 0,7% do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

Đáng chú ý, GDP quý IV/2022 của Hàn Quốc giảm 0,4% so với quý III trước đó. Đây cũng là lần đầu tiên kinh tế Hàn Quốc suy giảm theo quý, kể từ quý II/2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại được cho là do tăng trưởng xuất khẩu yếu đi do doanh số bán chất bán dẫn và các hàng hóa khác sụt giảm. Dữ liệu cho thấy xuất khẩu chỉ tăng 2,9% vào năm 2022, so với mức tăng 10,8% của năm 2021.

Nền kinh tế trong nước của Hàn Quốc đang chịu sức ép lớn do lạm phát cao, lãi suất tăng. Chỉ số giá tiêu dùng của nước này trong tháng 12 tăng 5% so với cùng kỳ năm 2021. Để kiềm hãm giá cả, Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK) đã tăng lãi suất chính sách thêm 275 điểm cơ bản kể từ tháng 8-2021 và dự kiến sẽ thực hiện một đợt tăng lãi suất nữa vào đầu năm nay.

Lãi suất cao có thể khiến các hộ gia đình ở Hàn Quốc cắt giảm ngân sách chi tiêu. Nền kinh tế Hàn Quốc phải đối mặt với những lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế có thể ảnh hưởng đến nhu cầu đối với hàng hóa của Hàn Quốc. Triển vọng của nền kinh tế vẫn còn ảm đạm do xuất khẩu dự kiến sẽ vẫn chậm chạp và tiêu dùng cũng như đầu tư của doanh nghiệp có khả năng sụt giảm.

Tháng trước, Bộ Tài chính Hàn Quốc cắt giảm dự báo tăng trưởng của đất nước xuống còn 1,6% trong năm 2023 so với mức tăng trưởng ước tính 2,5% trong năm 2022. Mức dự báo này ảm đạm hơn so với dự báo tăng trưởng 1,7% của BoK và 1,8% của Viện Phát triển Hàn Quốc (KDI). Trong năm 2021, kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng 4%, cao nhất trong 11 năm.

Sản lượng khoai tây của Hàn Quốc năm 2022 giảm 9,5% xuống 510.000 tấn. Sản xuất khoai tây trong nước của Hàn Quốc dự kiến sẽ tiếp tục giảm dần trong những năm tới và tiêu thụ khoai tây của Hàn Quốc dự kiến sẽ tăng 2,5% vào năm 2023 do nhu cầu đối với các sản phẩm khoai tây chế biến tăng lên.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, năm 2022 nước này đã chi 6,47 tỷ USD để nhập khẩu 1,595 triệu tấn thủy sản từ 109 thị trường, tăng 3,9% về lượng và tăng 12,7% về trị giá so với năm 2021. Năm 2022, Hàn Quốc tăng mạnh nhập khẩu thủy sản từ thị trường Nga và Việt Nam, trong khi giảm nhập khẩu thủy sản từ Na-uy, Hoa Kỳ, Pê-ru.

Hàn Quốc là một trong những thị trường xuất khẩu cà rốt chính của Việt Nam. Vụ đông năm 2021-2022, sản lượng cà rốt tiêu thụ ở đây khoảng 100.000 tấn, trong đó chủ yếu là cà rốt của Hải Dương. Đối với thị trường này, việc kiểm soát dịch hại, nhất là tuyến trùng đặc biệt quan trọng. Từ ngày 21 tháng 12 năm 2022, nước này chính thức gỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu đối với một số nông sản của Việt Nam, trong đó có cà rốt. Trước đó, vào đầu tháng 10 năm 2022, Hàn Quốc đã phát hiện loài tuyến trùng *radopholus similis* trong cây *monstera* có nguồn gốc xuất xứ từ Việt Nam và có thông báo hạn chế nhập khẩu những loại thực vật nguồn gốc từ nước ta, trong đó có củ cà rốt. Lệnh cấm được gỡ bỏ ngay đầu vụ thu hoạch là tín hiệu vui với các vùng trồng cà rốt của Hải Dương.

Tháng 12/2022, Việt Nam xuất khẩu 217,05 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, giảm 16,94% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 45,85%, thứ hai là thủy sản với 33,39%, rau quả chiếm 7,68%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, gỗ và sản phẩm gỗ, rau quả, sản phẩm cao su, thức ăn gia súc và nguyên liệu là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch giảm so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

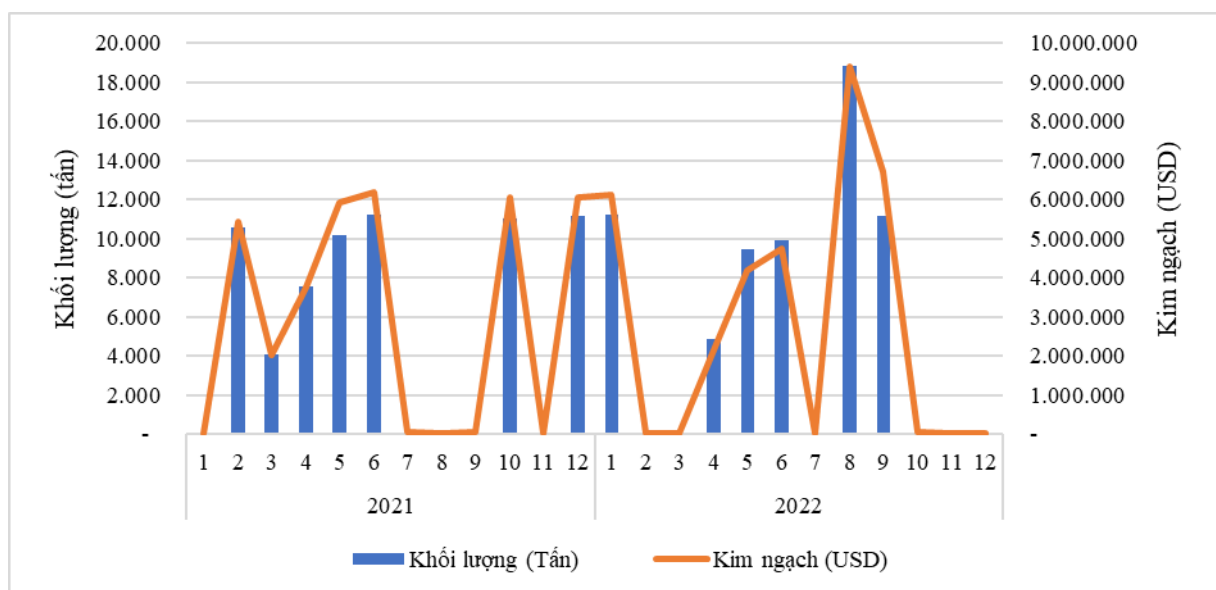
Mặc dù gạo là lương thực chính của người dân Hàn Quốc, song lượng tiêu thụ mặt hàng này đã giảm liên tục kể từ năm 1980, chủ yếu do những thay đổi trong chế độ ăn uống cũng như thói quen hàng ngày.

Theo số liệu của Cơ quan Thống kê Hàn Quốc, mức tiêu thụ gạo của người Hàn Quốc đạt mức thấp nhất trong lịch sử vào năm 2022. Mỗi người dân nước này trung bình tiêu thụ 56,7 kg gạo vào năm 2022, giảm 0,4% hay 0,2 kg so với năm trước. Đây là mức thấp nhất kể từ khi chính phủ bắt đầu tổng hợp dữ liệu liên quan vào năm 1962. Năm 1980, mức tiêu thụ gạo bình quân đầu người hàng năm ở mức 132,4 kg, nhưng con số này năm 2022 chỉ bằng một nửa số lượng được báo cáo trong 30 năm.

Bất chấp sự sụt giảm chung, mức tiêu thụ gạo của các nhà sản xuất thực phẩm và đồ uống tại Hàn Quốc đã tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2022 lên 691.422 tấn. Trong số đó, những nhà cung cấp cơm nấu chín và các mặt hàng ăn liền đã sử dụng nhiều hơn 27,2% gạo vào năm 2022 so với một năm trước đó.

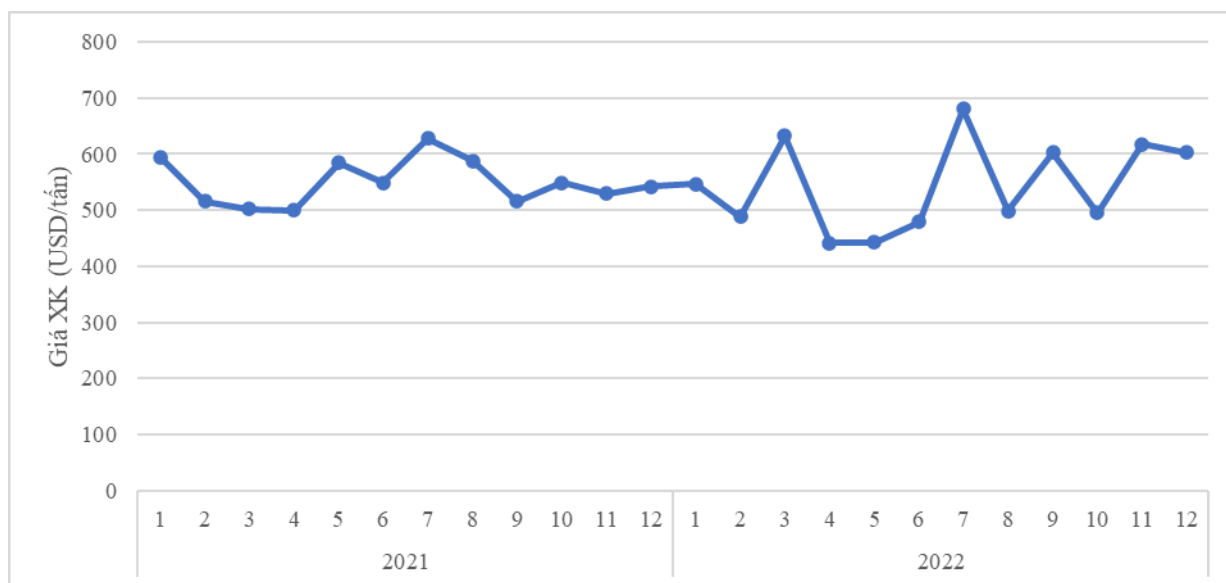
Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 12/2022 ước đạt 46 tấn với trị giá 28,0 nghìn USD, giảm 31,6% về lượng và giảm 33,3% về giá trị so với tháng trước, và giảm 99,6% về lượng và 99,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



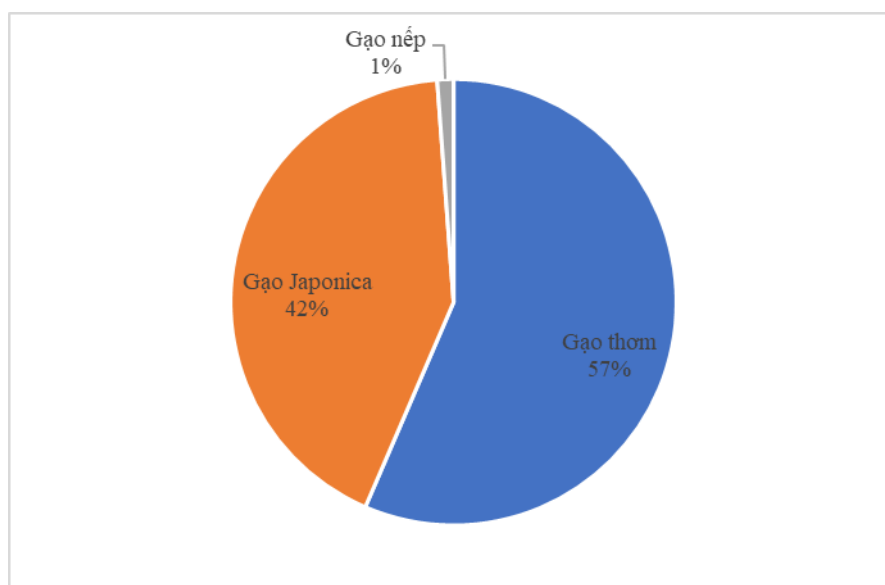
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 602 USD/tấn, giảm 2,4% so với tháng trước nhưng tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, gạo thơm là loại gạo có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 15,8 nghìn USD, chiếm 56,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gạo Japonica với kim ngạch 11,9 nghìn USD, chiếm 42,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gạo nếp chiếm 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 3: Chủng loại gạo xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 12/2022

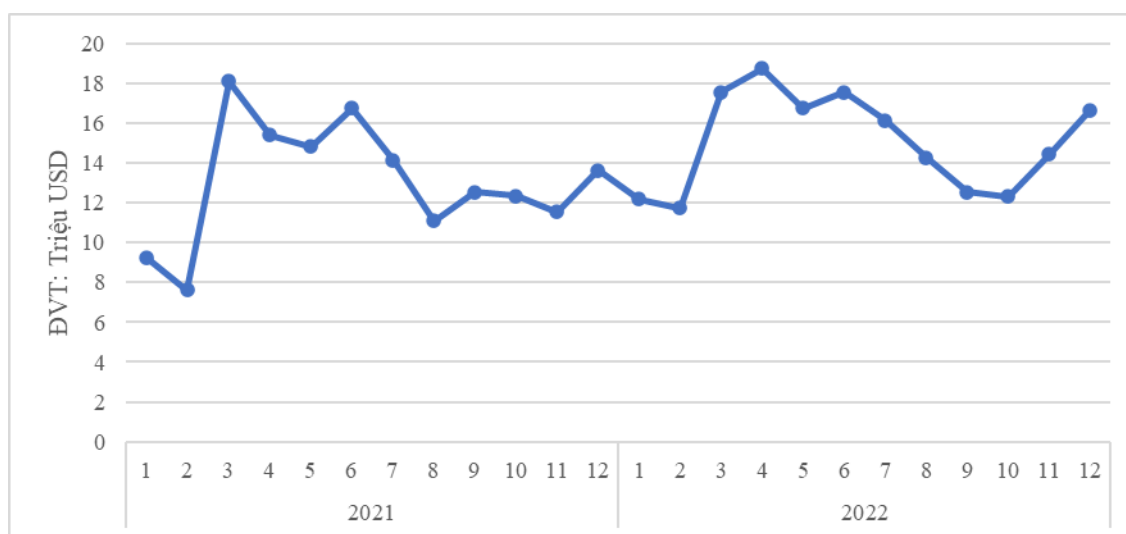
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Sản lượng khoai tây của Hàn Quốc năm 2022 giảm 9,5% xuống 510.000 tấn. Sản xuất khoai tây trong nước của Hàn Quốc dự kiến sẽ tiếp tục giảm dần trong những năm tới và tiêu thụ khoai tây của Hàn Quốc dự kiến sẽ tăng 2,5% vào năm 2023 do nhu cầu đối với các sản phẩm khoai tây chế biến tăng lên.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 12 năm 2022 đạt 16,7 triệu USD, chiếm 5,3% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 15,3% so với tháng trước và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 180,8 triệu USD, chiếm 5,4% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm 2021.

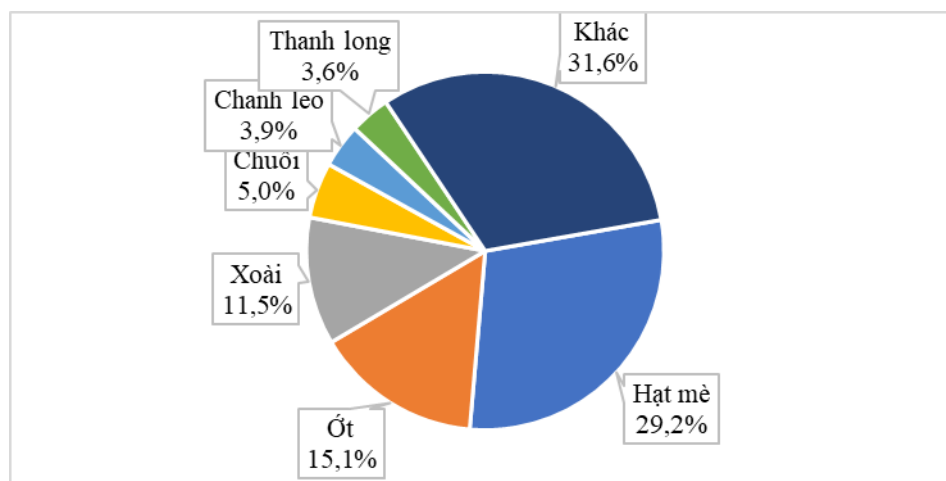
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 12 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 7,4 triệu USD (chiếm 44,7% thị phần, tăng 31,4% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 9,2 triệu USD (chiếm 55,3% thị phần), tăng 15,5%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 6,7 triệu USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,4 triệu USD (tăng 52,4%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 488,0 nghìn USD (giảm 26,5%); v.v.

Trong tháng 12 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 4,9 triệu USD (chiếm 29,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2021; ớt đạt 2,5 triệu USD (chiếm 15,1%), tăng 343,8%; xoài đạt 1,9 triệu USD (chiếm 11,5%), tăng 31,0%; chuối đạt 839,7 nghìn USD (chiếm 5,0%), tăng 31,6%; v.v.

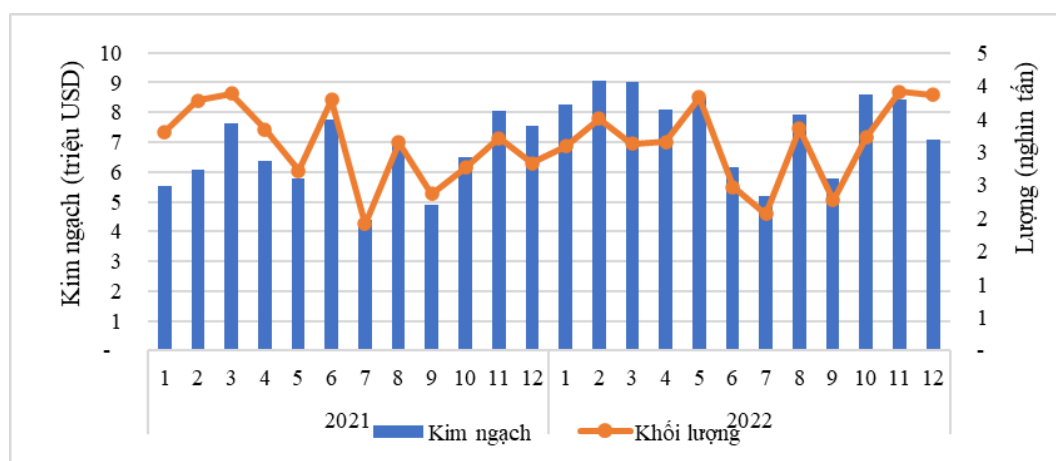
Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 12 năm 2022 đạt 8,1 triệu USD, chiếm 4,1% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 62,3 triệu USD, chiếm 3,0% thị phần, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 12/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: dâu tây đạt 1,8 triệu USD (chiếm 22,5%), tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2021; lê đạt 1,8 triệu USD (chiếm 22,2%), tăng 62,8%; rong biển đạt 1,5 triệu USD (chiếm 19,1%), giảm 14,4%; nho đạt 1,3 triệu USD (chiếm 16,3%), giảm 17,4%; v.v.

3. CÀ PHÊ

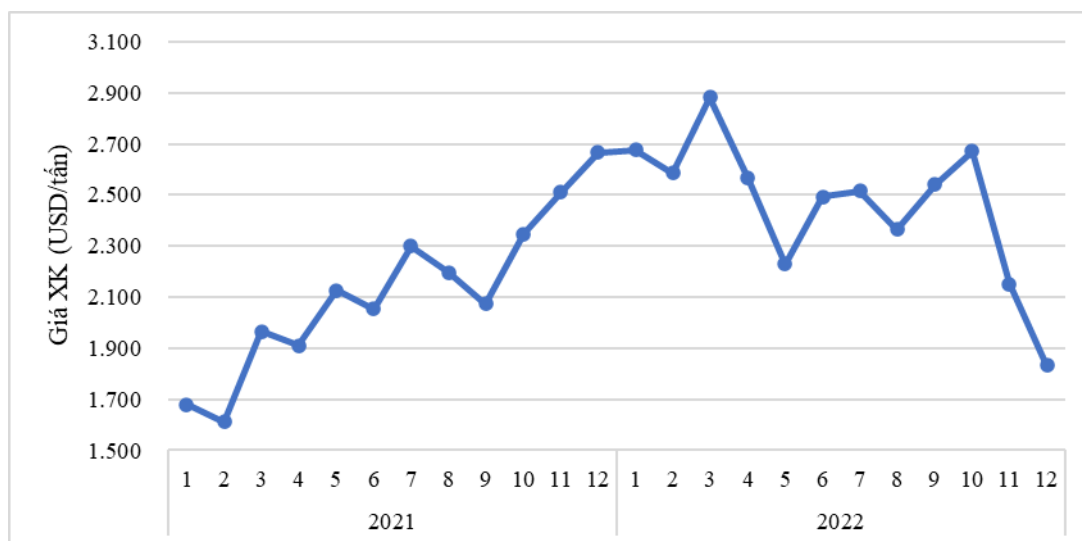
Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 12/2022 ước đạt 3,9 nghìn tấn với trị giá 7,1 triệu USD, giảm 1,3% về lượng và 15,9% về giá trị so với tháng trước, và tăng 36,4% về lượng nhưng giảm 6,2% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 1.833 USD/tấn, giảm 14,8% so với tháng trước và giảm 31,2% so với cùng kỳ năm trước.

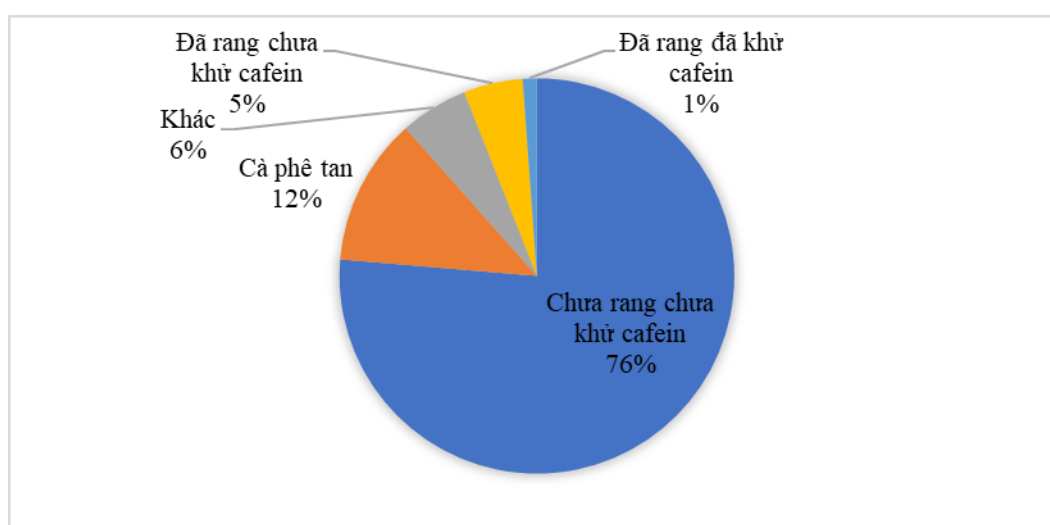
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 5,42 triệu USD, chiếm 76,33% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 0,86 triệu USD, chiếm 12,10% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein chiếm 4,85% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 12/2022

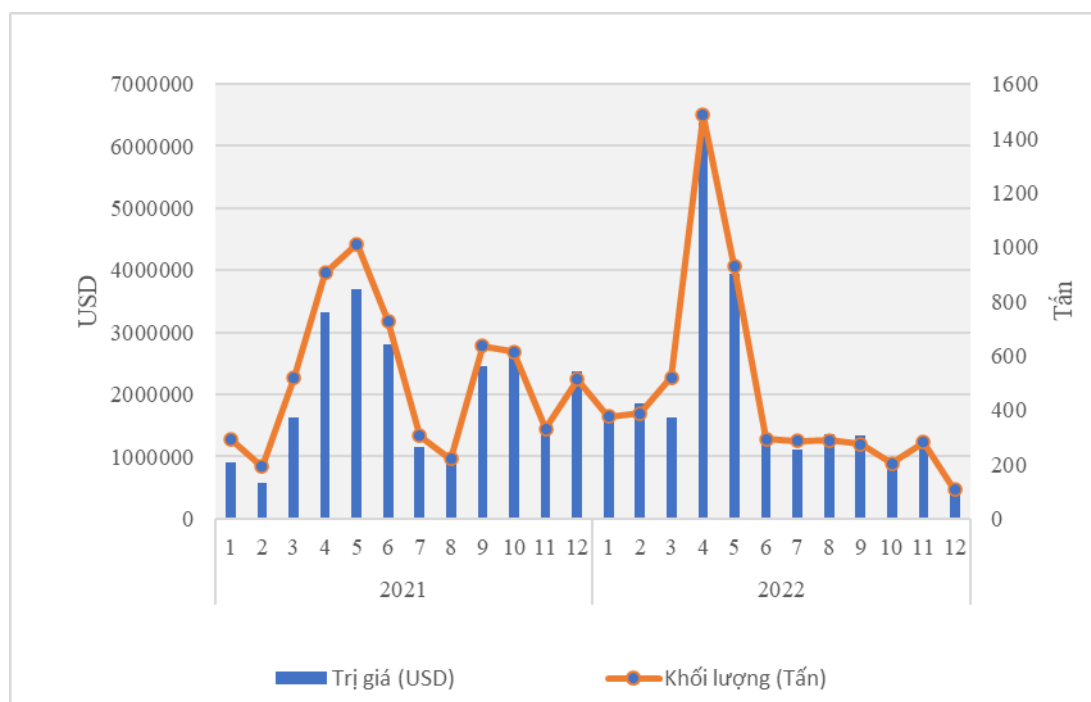


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

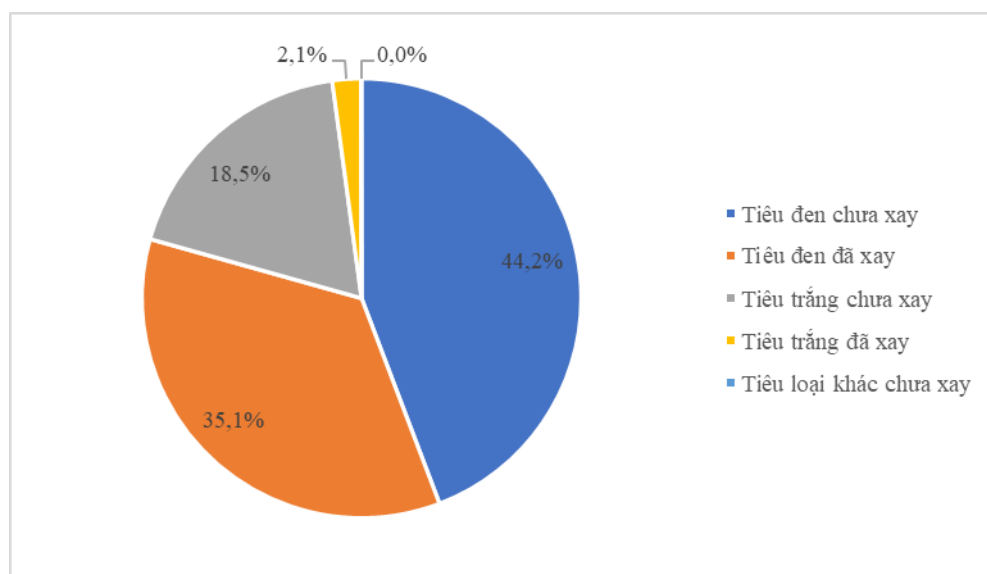
Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 12/2022 đạt 107 tấn hồ tiêu với trị giá khoảng 502 nghìn USD, giảm 62% về khối lượng và giảm 58,6% về giá trị so với tháng trước, giảm 78,9% về khối lượng và giảm 79% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



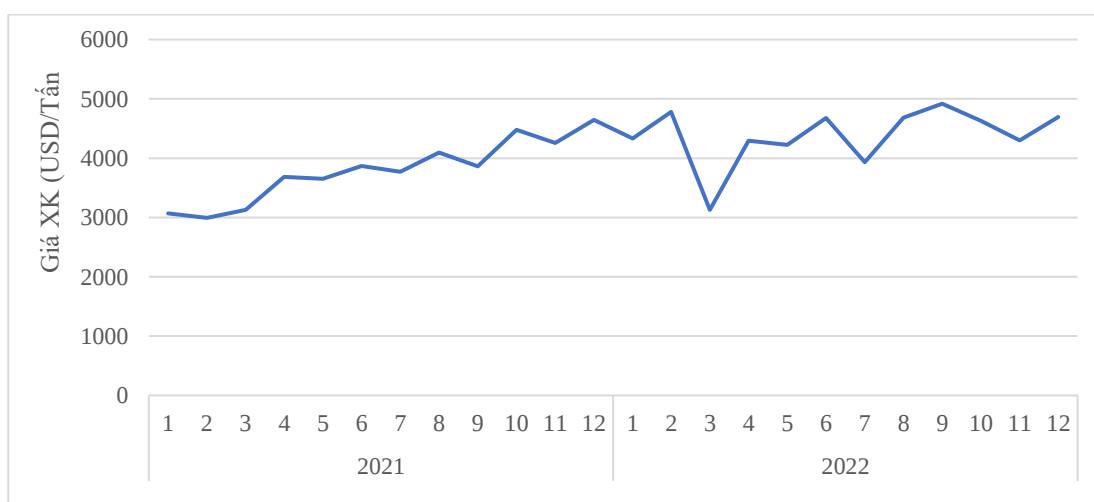
Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 12/2022, tiêu đen là loại sản phẩm xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, trong đó, tiêu đen chưa xay chiếm 44,2% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 72% so với tháng trước và giảm 88% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu đen đã xay chiếm 35,1%, giảm 40,2% so với tháng trước và giảm 47,2% so với cùng kỳ năm 2021. Đứng thứ 3 là tiêu trắng chưa xay chiếm 18,5%. Tiếp theo là tiêu trắng đã xay chiếm tỷ lệ 2,1%. Tiêu loại khác chưa xay chiếm tỷ trọng rất nhỏ 0,05%.

Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2022

Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 12/2022 ở mức 4.696 USD/tấn, tăng 9,2% so với tháng trước và tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

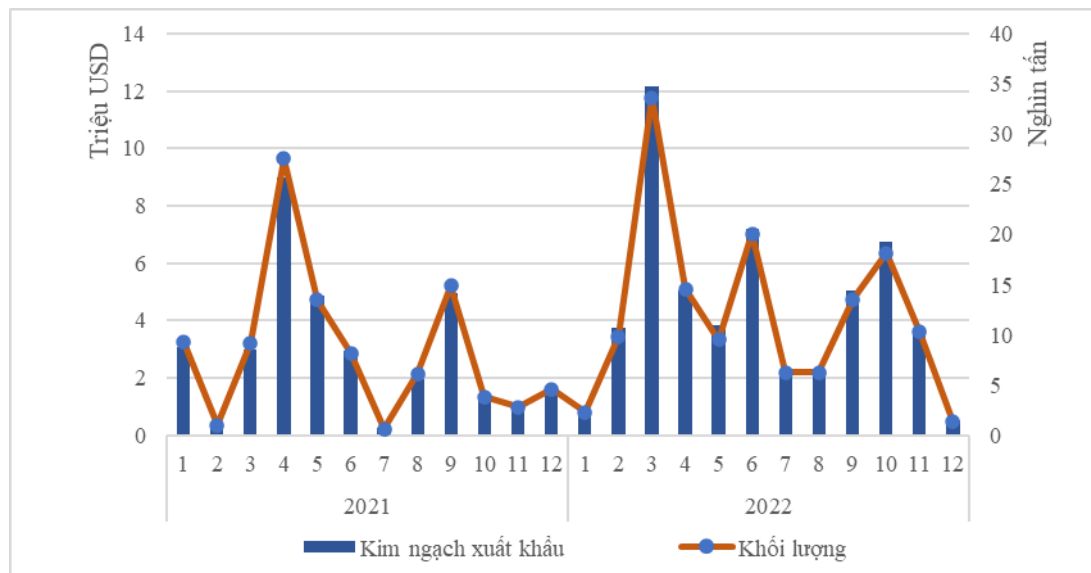
Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2022, Việt Nam xuất khẩu được 1.332 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 529,9 nghìn USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 87% về khối lượng và giảm 85,6% về giá trị so với tháng trước; giảm 71,2% về khối

lượng và giảm 67,8% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 150.424 tấn, trị giá 53,675 triệu USD, tăng 52,4% về khối lượng và tăng 62,5% về giá trị so với năm 2021.

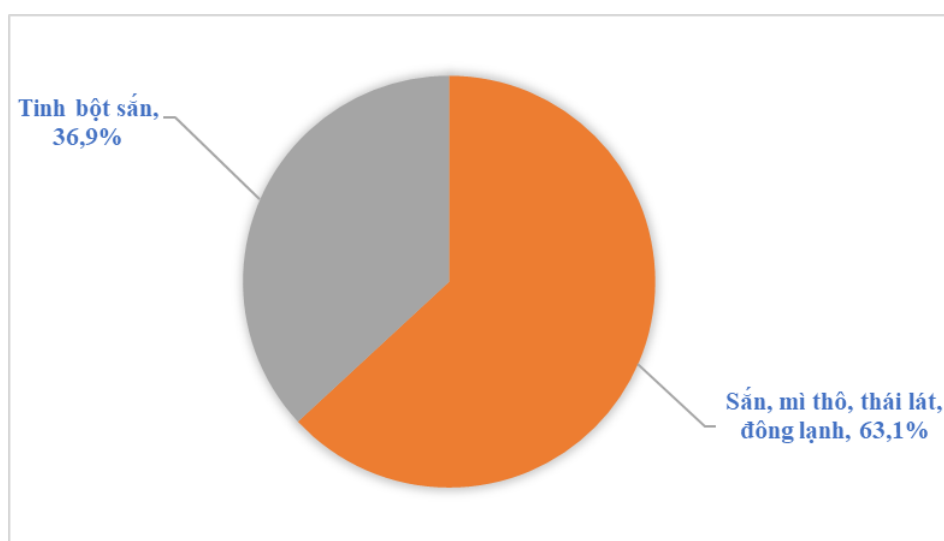
Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 0,3% về khối lượng và 0,3% về giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam trong tháng 12 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh chiếm 63,1% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này (giảm 90% so với tháng trước và giảm 79,2% so với cùng kỳ năm trước), tinh bột sắn chiếm 36,9%.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc

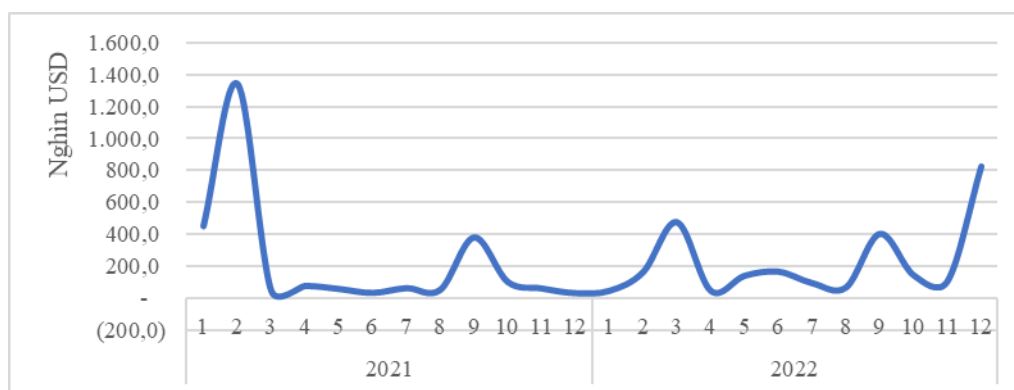


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong tháng 12/2022, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 824,873 nghìn USD, tăng gần 8 lần so với tháng trước.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

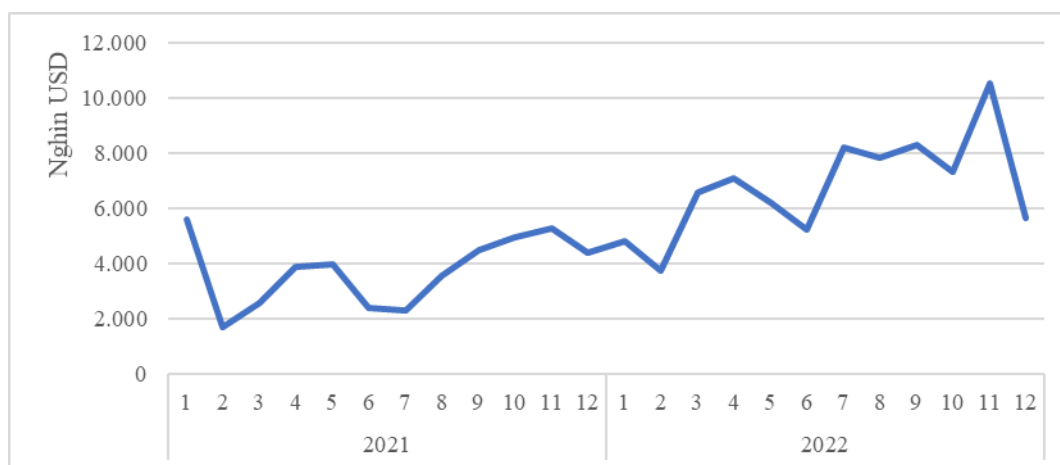


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...) là mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 12/2022 chiếm 53,9% tổng giá trị xuất khẩu đạt 444,705 nghìn USD; động vật sống khác chiếm 37% đạt 310 nghìn USD, các loại thịt khác chiếm 8,5%.

Về nhập khẩu, trong tháng 12/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 5,643 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, giảm 46,3% so với tháng trước và tăng 29% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt và phụ phẩm giết mổ từ gia cầm chiếm 97% đạt 5,478 triệu USD tăng giảm 46,1% so với tháng trước và tăng 28% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 15: Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt từ thị trường Hàn Quốc

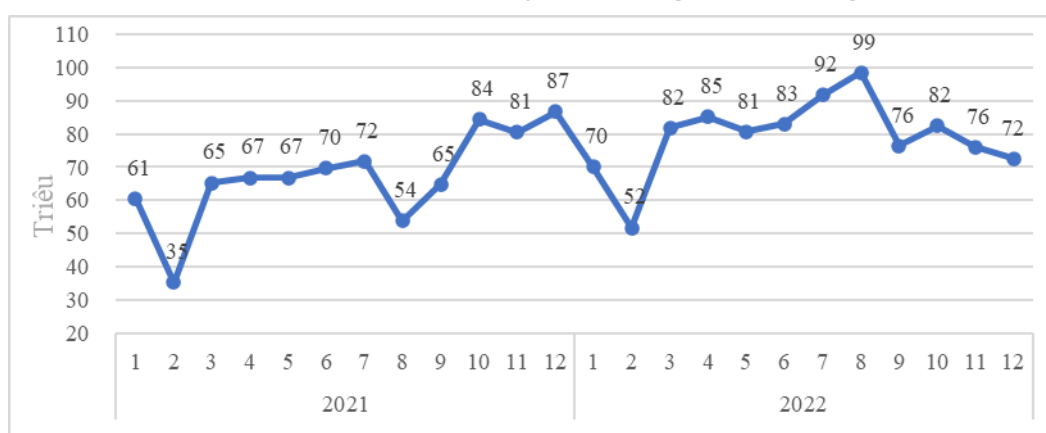


Nguồn: Tổng cục Hải quan

7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt hơn 72,5 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường năm 2022 đạt 950 triệu USD, chiếm 8,6% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 17,8 % so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 38,3%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 33%.

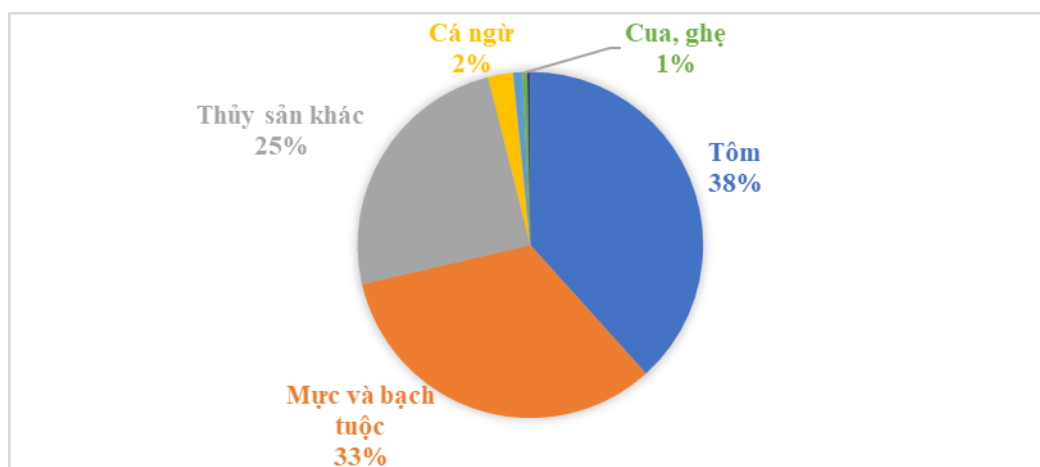
Hình 16: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục đà giảm nhẹ từ tháng trước, giảm 4,7% so với tháng 11/2022 và giảm 16,3% so với cùng kỳ năm trước.

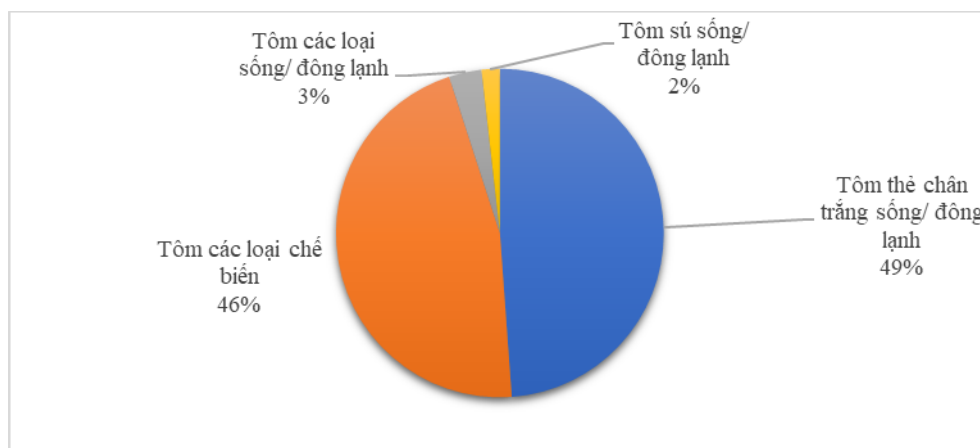
Hình 17. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 12/2022 đạt 27,8 triệu USD, chiếm 38,3% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 48,8%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 46,1% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 13,6 triệu USD, giảm 43,7% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 12,8 triệu USD, tăng 5,6%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,9 triệu USD, tăng 70,3%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,5 triệu USD, giảm 24,2%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 12 năm 2022 đạt 23,9 triệu USD, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 21,2 triệu USD, giảm 14,7% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 2,8 triệu USD, tăng 1,2%.

Hình 19. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 12/2022: Cá da trơn đạt 0,6 triệu USD, tăng 89,7% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ đạt 1,7 triệu USD tăng 37,3 lần; cá rô phi đạt 0,2 triệu USD, giảm 32,1%; thủy sản khác đạt 17,9 triệu USD, giảm 16,3%.

Tháng 12/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8 USD/kg, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc đạt 9,4 USD/kg tăng 7,4%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2022

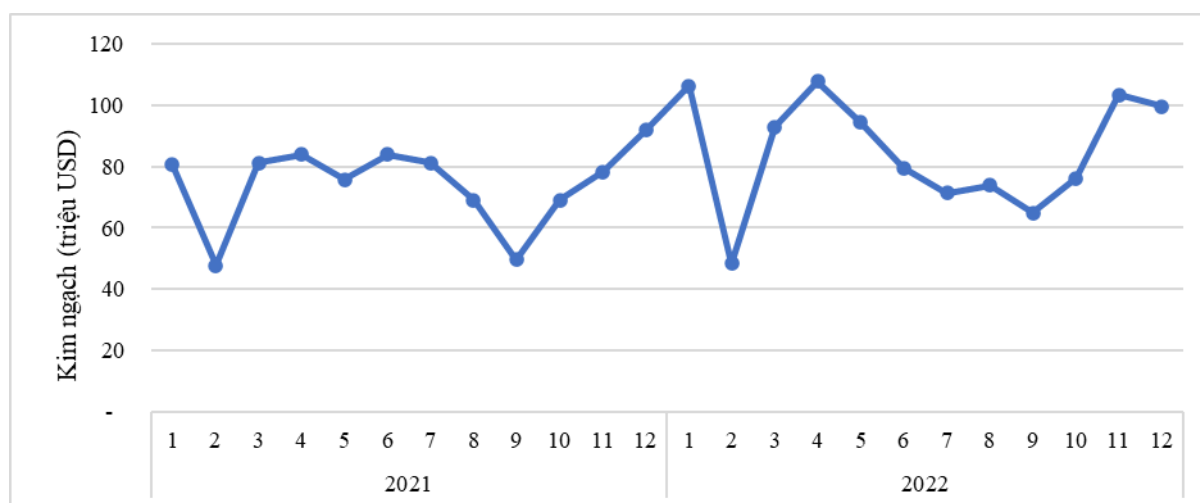
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	4,2	35,5%	-1,2%
2	Cá rô phi	4,4	62,0%	17,5%
3	Cua, ghẹ	6,5	2,9%	1,4%
4	Mực và bạch tuộc	9,4	7,4%	-6,6%
5	Tôm	8,0	-12,2%	3,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 99,5 triệu USD, giảm 3,6% so với tháng trước và tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2021.

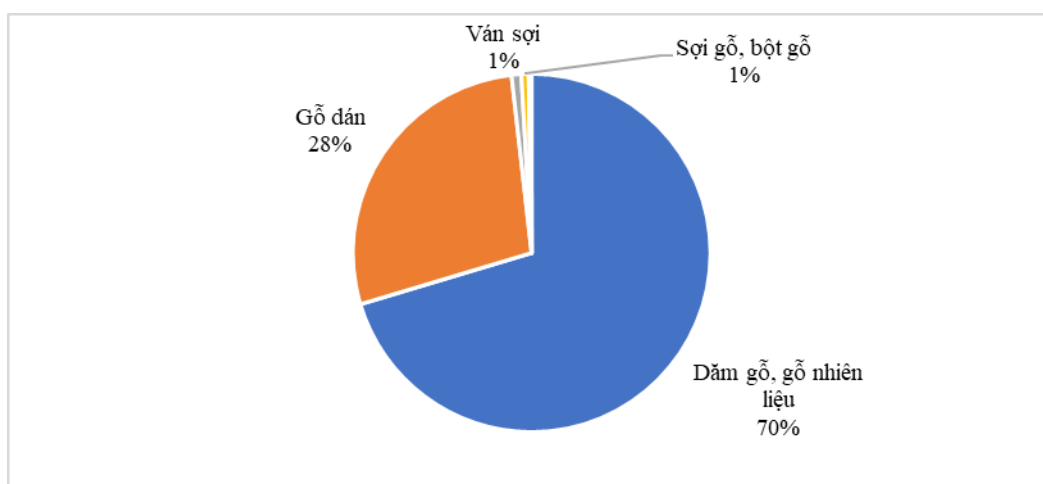
Hình 15: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 55,6 triệu USD, chiếm 70,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 22,0 triệu USD, chiếm 27,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 0,9% và 0,7% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 21: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 12/2022

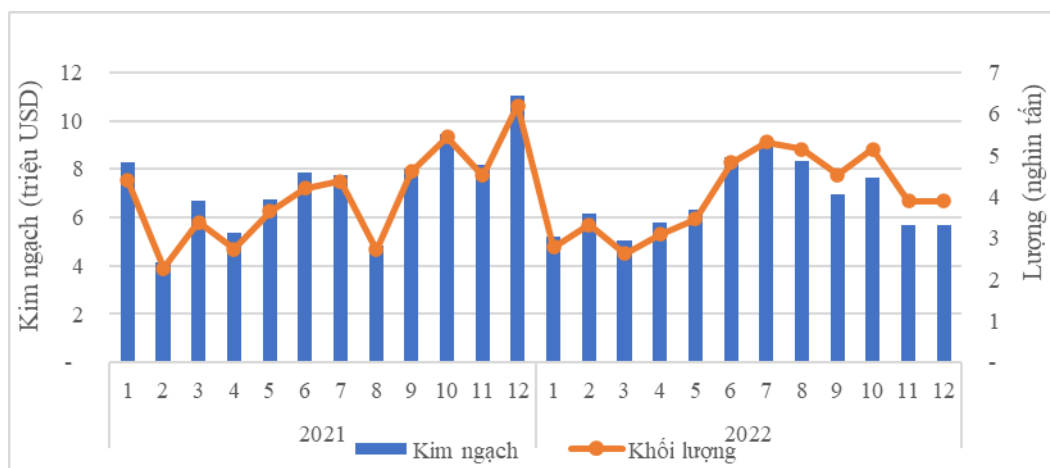


Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 3,897 nghìn tấn với trị giá 5,704 triệu USD, tăng 0,1% về khối lượng và 0,13% về giá trị so với tháng trước; giảm 37,22% về khối lượng và 48,29% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 98,04% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc.

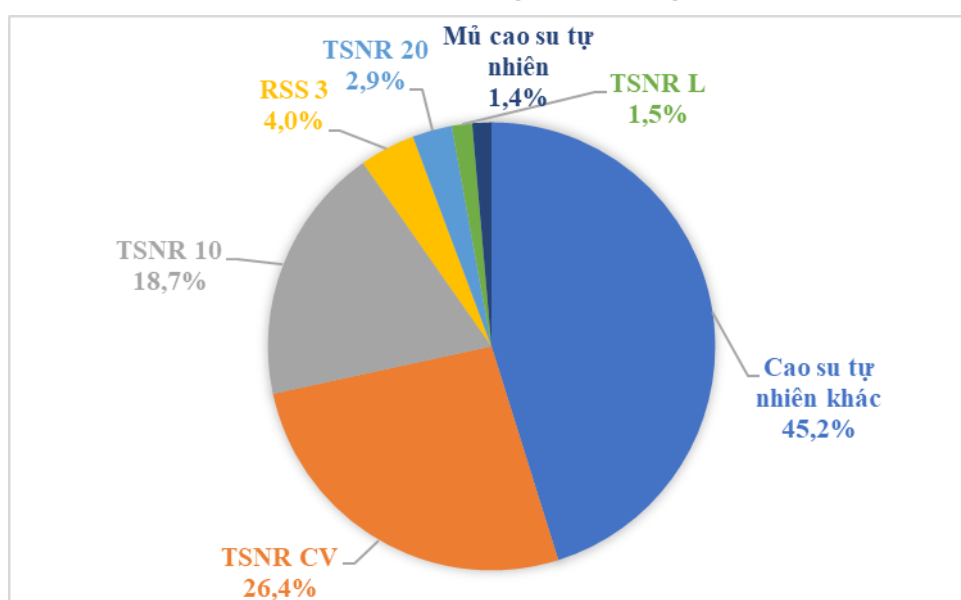
Hình 22: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc, chiếm 26,4%. Tiếp theo là TSNR 10 chiếm tỷ trọng 18,7%. Tiếp theo lần lượt là RSS 3 (4%), TSNR 20 (2,86%), TSNR L (1,5%), Mủ cao su tự nhiên (1,4%).

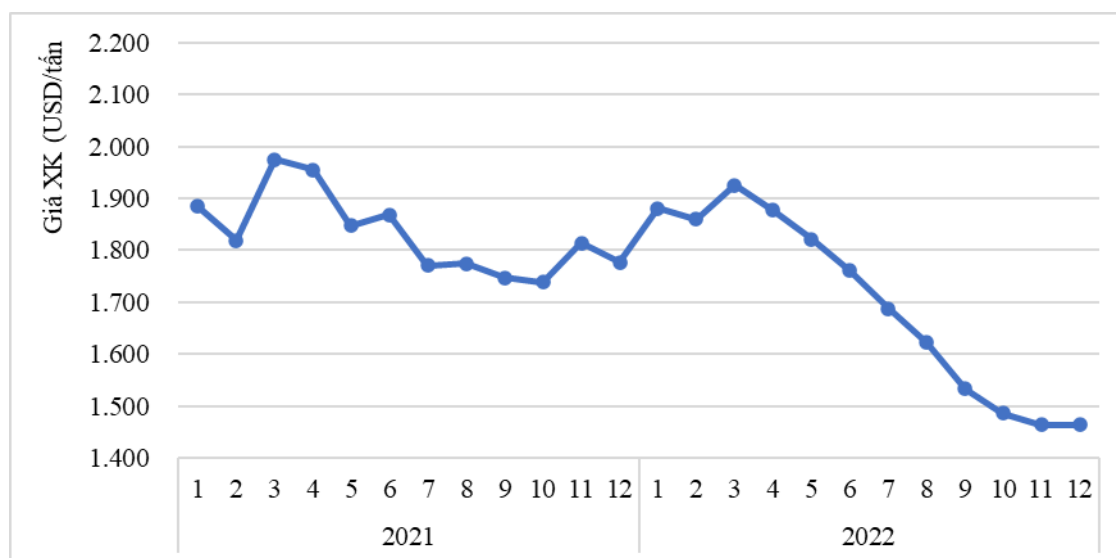
Hình 23: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính từ tháng 4/2022, giá cao su liên tục giảm mạnh. Tháng 12/2022, bình quân giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc chỉ đạt ở mức 1.464 USD/tấn, tăng nhẹ 0,03% so với tháng trước, và giảm 17,6% so với cùng kỳ 2021.

Hình 24: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc nhấn mạnh sẽ tiếp tục nỗ lực thúc đẩy thói quen ăn uống có sử dụng gạo trong bữa ăn trong khi mở rộng hỗ trợ bán các sản phẩm gạo ở cả trong và ngoài nước. Với các FTA đang thực thi, gạo thơm, gạo lứt, cũng rộng đường sang Hàn Quốc.

2. Gỗ

Hiện Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu viên nén lớn thứ hai trên thế giới. Giá xuất khẩu viên nén tiếp tục ở mức cao. Nhật Bản và Hàn Quốc vẫn là hai thị trường chính nhập khẩu viên nén Việt Nam và có tốc độ tăng trưởng khá cao thời gian vừa qua. Dự báo, viên nén có nhiều tiềm năng để góp mặt trong nhóm các mặt hàng nông, lâm, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD.

3. Sắn

Lượng hàng sắn lát Việt Nam đủ tiêu chuẩn xuất khẩu đi Hàn Quốc trong thời gian tới có thể giảm, do năng suất sắn giảm. Đồng thời, do giá xuất khẩu sắn tăng, trong khi nguồn nguyên liệu giảm do bệnh khảm lá sắn, giá sắn nguyên liệu ở trong nước cũng đang tăng so với cuối tháng 12/2022. Năm 2023, Hàn Quốc vẫn đang là thị trường rất tiềm năng của ngành sắn Việt Nam khi nhu cầu nhập khẩu sắn và sản phẩm từ sắn tăng cao.

4. Thủy sản

Dự báo, trong nửa đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc sẽ tiếp tục chậm lại theo xu hướng trong quý cuối năm 2022 do kinh tế gặp khó khăn. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu suy thoái, xuất khẩu - động lực chính của nền kinh tế Hàn Quốc sẽ giảm và tiêu dùng cá nhân cũng sẽ chậm lại do lãi suất cao. Điều này sẽ tác động đến nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc trong năm 2023. Tuy nhiên, xu hướng tiêu dùng thủy sản ở Hàn Quốc có sự thay đổi theo xu hướng giảm chi tiêu của người tiêu dùng lại là cơ hội để thủy sản Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu những sản phẩm thủy sản có mức giá phù hợp.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 12/2022

STT	Sản phẩm	T12/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T12/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	7.085.956	-6,24%	3,26%
2	Cao su	5.704.330	-48,29%	2,63%
3	Gỗ và SP gỗ	99.522.153	8,42%	45,85%
4	Hàng rau quả	16.662.088	22,10%	7,68%
5	Hàng thủy sản	72.468.075	-16,32%	33,39%
6	Hạt tiêu	502.424	-78,87%	0,23%
7	Phân bón các loại	1.022.668	-96,91%	0,47%
8	Mây tre đan	1.735.328	-33,68%	0,80%
9	SP từ cao su	8.799.408	3,44%	4,05%
10	Sắn và SP từ sắn	529.920	-67,79%	0,24%
11	TAGS & NL	3.018.593	26,07%	1,39%
Tổng XK NLTS		217.050.943		

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 12/2022**

Mặt hàng	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Gạo Japonica	5.953	11.854	99,1%
Gạo nếp	618	330	-46,6%
Gạo thơm	21.479	15.815	-26,4%
Gạo trắng	6.007.272	-	-100,0%
Tổng	6.035.323	27.999	-99,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 12/2022

Mặt hàng	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	37.100.186,20	23.527.827,02	57,7%
Cà phê tan	2.340.617,49	2.115.382,38	10,6%
Khác	1.437.849,59	1.520.324,90	-5,4%
Chưa rang đã khử cafein	2.275.786,50	745.453,00	205,3%
Đã rang chưa khử cafein	207.185,54	438.393,82	-52,7%
Đã rang đã khử cafein	6.000,00	438.393,82	-98,6%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 12/2022**

TT	Sản phẩm	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
	Tổng giá trị XK	13.645.991	16.662.088	22,1%
1	Hạt mè	4.688.763	4.858.811	3,6%
2	Ớt	567.012	2.516.571	343,8%
3	Xoài	1.465.346	1.919.666	31,0%
4	Chuối	638.290	839.686	31,6%
5	Chanh leo	290.304	655.431	125,8%
6	Thanh long	565.178	606.143	7,2%
7	Khác	5.431.098	5.265.781	-3,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 12/2022

TT	Sản phẩm	T12.2021 (USD)	T12.2022 (USD)	So sánh T12.2022/T12.2021
	Tổng giá trị XK	1.645.218	529.920	-67,8%
1	Tinh bột sắn	7.824	195.510	2.398,8%
2	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	1.604.074	334.410	-79,2%
3	Sản phẩm sắn chế biến	33.320	0	

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 12/2021 (USD)	Tháng 12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021 (%)
Cá da trơn	641.894,2	715.393,0	-10,3%
Cá ngừ	1.689.182,0	45.280,0	3630,5%
Cá rô phi	210.675,4	310.493,0	-32,1%
Cua, ghẹ	307.590,0	86.538,0	255,4%
Mực và bạch tuộc	23.941.997,6	27.546.948,8	-13,1%
Tôm	27.770.173,9	37.396.888,5	-25,7%
Thủy sản khác	17.906.562,0	20.501.731,6	-12,7%
Tổng	72.468.075,0	86.603.273,0	-16,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan